

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **184** /2023/ HS-PT
Ngày: 17/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vnh Chuyển**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

Ông **Trần Minh L**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Tùng Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 170/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T, Lâm Hữu V do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2023/HS-ST ngày 16 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Hà Phước T, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx, tại Quảng Nam; Nơi ĐKNTTT: Thôn T, xã Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N; Nơi cư trú: Tổ 01, phường Thanh Khê T, quận Thanh K, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Phước H (*đã chết*) và bà Huỳnh Thị B (*còn sống*); Có vợ là Trần Thị Thu T và có 01 con (*sinh năm 20xx*); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 27/05/2021 bị công xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng (*QĐ số: 28/QĐ-XPHC*).

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Phan Viết Hoàng Ánh D, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx, tại Quảng N; Nơi cư trú: Tổ 70, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nhân viên KCS; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Viết T (*đã chết*) và bà Huỳnh Thị Hòa M (*còn sống*); Có vợ là Lê Thị Yến N và có 01 con (*sinh năm 20xx*); Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Phan Văn L, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx, tại Quảng T; Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã V, huyện Vnh L, tỉnh Quảng T; Nơi cư trú: Tổ xx, phường Hòa Khánh B, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn H và bà Hoàng Thị H (*đều còn sống*); Có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con (*lớn nhất sinh năm 20xx và nhỏ nhất sinh năm 20xx*); Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Văn M, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ xx, thôn V, xã Hòa L, huyện Hòa V, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị L (*đều còn sống*); Có vợ là Võ Thị Thiện T và có 02 con (*lớn nhất sinh năm 20xx và nhỏ nhất sinh năm 20xx*); Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5/ Hồ Kim T, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx, tại Quảng Trị; Nơi ĐKNKTT: Khu phố x, thị trấn H, huyện Vnh L, tỉnh Quảng T; Nơi cư trú: Kxxx/Dxx Nguyễn Lương B, phường Hòa Khánh B, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Đình Q và bà Nguyễn Thị N (*đều còn sống*); Có vợ là Mai Thị C, chưa có con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6/ Lâm Hữu V, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx, tại Quảng N; Nơi ĐKNKTT: Thôn x, xã Tiên T, huyện Tiên P, tỉnh Quảng T; Nơi cư trú: Thôn T, xã Phong X, huyện Phong Đ, tỉnh Thừa Thiên H; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Phùng C và bà Nguyễn Thị Q (*đều còn sống*); Có vợ là Lê Thị Thanh N và có 01 con (*sinh năm 20xx*); Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M có ông Nguyễn Thành Đá, Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ ngày 16/10/2021, tại Trạm bê tông Thanh V (xã Hòa L, huyện Hòa V, TP Đà Nẵng), Thái Văn Tấn N (lái xe) nhờ Phan Viết Hoàng Ánh D trộn cho N 01(một) xe bê tông, N nói với D mang về đổ cho ông anh, D đồng ý. D vào phòng điều khiển tự vận hành máy trộn bê tông, trộn 01(một) xe bê tông với khối lượng $8,2m^3$ bê tông Mác 250R28, sau đó N sử dụng xe ô tô biển kiểm soát: 43C1-xxx.xx chở bê tông về đổ trước nhà N để làm đường đi vào nhà. Hôm sau, N đưa cho D số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Sáng ngày 17/10/2021, ông Nguyễn T(Trạm trưởng trạm bê tông Thanh V) phát hiện số liệu phát sinh ngoài kế hoạch trên màn hình máy tính vận hành trạm, kiểm tra camera giám sát phát hiện bị ngắt kết nối nên ông Thuận đã báo cáo sự việc cho lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Din C. Lãnh đạo công ty đã báo cáo sự việc cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang.

Qua điều tra xác định:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Din C (viết tắt Công ty Din C) có trụ sở chính tại: Số xxx Điện Biên P, phường Hòa K, quận Thanh K, TP Đà Nẵng do ông Đặng Tiến Đ là Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật. Lĩnh vực kinh doanh, sản xuất bê tông thương phẩm. Công ty có đặt trạm sản xuất tại Khu Công nghiệp Thanh V mở rộng (xã Hòa L, huyện Hòa V, TP Đà Nẵng - gọi tắt là Trạm Thanh V) phân công ông Nguyễn T làm trạm trưởng, chịu trách nhiệm quản lý Trạm Thanh V. Trạm có các bộ phận gồm:

- Vận hành trạm gồm: Trần Phước T, Hà Phước T (nhiệm vụ: Nhập số liệu cấp khối bê tông, thông tin khách hàng, chủng loại vật liệu, thông tin khách hàng từ KCS, khởi động nồi trộn để vận hành sản xuất bê tông).

- KCS gồm: Nguyễn Bảo L, Phan Viết Hoàng Ánh D (nhiệm vụ: Liên hệ khách hàng về thời gian, chủng loại, số lượng trước khi sản xuất; kiểm tra cấp phối theo định mức, chất lượng bê tông từng mẻ trộn... trước khi sản xuất, đảm bảo bê tông đúng yêu cầu cho khách hàng).

- Lái xe giao chở bê tông cho khách hàng tại các công trình xây dựng gồm:

- + Lâm Hữu V, quản lý xe BKS: 43C-xxx.xx có tải T2 $10m^3$ bê tông;
- + Hồ Kim T, quản lý xe BKS: 43C-xxx.x có tải T2 $10m^3$ bê tông;
- + Phan Văn L, quản lý xe BKS: 43C-xxx.xx có tải T2 $7m^3$ bê tông;
- + Nguyễn Quang T, quản lý xe BKS: 43C-xxx.xx có tải T2 $7m^3$ bê tông;

- + Nguyễn Công P, quản lý xe BKS: 43C-xxx.xx có tải T2 7m³ bê tông;
- + Nguyễn Văn M, quản lý xe BKS: 43C-xxx.xx có tải T2 7m³ bê tông;
- + Thái Văn Tấn N, quản lý xe BKS: 43C-xxx.xx có tải T2 7m³ bê tông;

Để vận hành sản xuất bê tông đảm bảo quá trình sản xuất, đơn vị đã phân công lịch trực làm việc theo ca gồm: 01(một) vận hành và 01 KCS (ca trực làm việc 01 ngày đêm và nghỉ 01 ngày đêm từ ngày 21/07/2021 đến 15/08/2021). Cụ thể:

- Ca 1 gồm: Trần Phước T (vận hành) và Nguyễn Bảo L (KCS);
- Ca 2 gồm: Hà Phước T (vận hành) và Phan Viết Hoàng Ánh D (KCS);

Đối với lái xe thì làm việc theo lịch sản xuất của đơn vị. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19, từ ngày 14/09/2021 đơn vị đã điều chỉnh lịch trực làm việc theo ca liên tục 07 ngày đêm và nghỉ 07 ngày đêm:

- Ca 1 gồm: Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và các lái xe: Phan Văn L, Nguyễn Quang T, Hồ Kim T và Nguyễn Văn M (từ ngày 14/09/2021 đến hết ngày 20/09/2021);
- Ca 2 gồm: Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D và các lái xe Thái Văn Tấn N, Nguyễn Công P, Lâm Hữu V (từ ngày 21/09/2021 đến hết ngày 27/09/2021).

Từ ngày 15/08/2021 đến 02/10/2021 do Nguyễn Công P, Lâm Hữu V bị cách ly tại Quảng Nam nên Hồ Kim T, Phan Văn L, Nguyễn Văn M được phân công tham gia cả 02(hai) ca. Sau mỗi ca trực, nhân viên vận hành trạm sẽ báo cáo kết quả sản xuất trong ngày cho Trạm trưởng và Trạm trưởng có trách nhiệm báo lên cho Công ty qua địa chỉ gmail nội bộ do Công ty cấp cho mỗi người.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/07/2021 đến ngày 17/10/2021, Trần Phước T, Hà Phước T, Nguyễn Bảo L và Phan Viết Hoàng Ánh D nắm rõ quy trình sản xuất bê tông thương phẩm nên đã lợi dụng ca trực của mình với các lái xe: Phan Văn L, Nguyễn Quang T, Hồ Kim T, Nguyễn Công P, Nguyễn Văn M, Thái Văn Tấn N, Lâm Hữu V nhiều lần tự ý vận hành máy trộn sản xuất bê tông sau đó lấy trộm bê tông mang đi bán kiếm tiền tiêu xài. Trước khi thực hiện, các đối tượng đã tắt Camera giám sát, tắt thiết bị giám sát hành trình trên xe. Mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp có khi gồm : 01(một) vận hành với 01(một) lái xe hoặc 01(một) KCS với 01(một) lái xe tham gia, có khi cả 03(ba) gồm: 01 (một) vận hành, 01(một) KCS và 01(một) lái xe cùng tham gia. Cụ thể việc thực hiện hành vi trộm cắp như sau:

- Trần Phước T thực hiện hành vi trộm cắp cùng với các lái xe: Phan Văn L, Nguyễn Quang T, Hồ Kim T, Nguyễn Văn M, Lâm Hữu V với tổng khối lượng bê tông các loại là: 252,8 m³ (Tro200R28: 252,8m³, Tro150R28: 10m³), giá trị: 232.276.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bảy sáu ngàn đồng). Trong đó:

+ Phan Văn L: tham gia 10 ngày (15 lần), chiếm đoạt 105,8m³ bê tông loại Tro200R28, giá trị 97.336.000 đồng (Chín mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

+ Nguyễn Quang T: tham gia 05 ngày (07 lần), chiếm đoạt 58,2m³ bê tông loại Tro200R28, giá trị 53.544.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

+ Hồ Kim T: tham gia 02 ngày (03 lần), chiếm đoạt 30m³ bê tông loại Tro200R28, giá trị 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng) .

+ Nguyễn Văn M: tham gia 05 ngày (06 lần), chiếm đoạt 48,8m³ bê tông loại Tro200R28, giá trị 44.896.00 đồng (Bốn mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

+ Lâm Hữu V: tham gia (01 lần), chiếm đoạt 10m³ bê tông loại Tro150R28, giá trị 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm ngàn đồng).

- Nguyễn Bảo L thực hiện hành vi trộm cắp cùng với các lái xe: Phan Văn L, Nguyễn Quang T, Hồ Kim T, Nguyễn Văn M với tổng khối lượng bê tông các loại là: 288,2m³ (Tro200R28: 272,2m³, Tro150R28: 16m³), giá trị 264.664.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Trong đó:

+ Phan Văn L: tham gia 03 ngày (03 lần), chiếm đoạt 24,2m³ bê tông Tro200R28, giá trị 22.264.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

+ Nguyễn Quang T: tham gia 14 ngày (18 lần), chiếm đoạt 144,6m³ bê tông các loại (Tro200R28: 136,6m³, Tro150: 8m³), giá trị 132.792.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng).

+ Hồ Kim T: tham gia 03 lần, chiếm đoạt 38,5m³ bê tông Tro200R28, giá trị 35.420.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

+ Nguyễn Văn M: tham gia 07 ngày (10 lần), chiếm đoạt 80,9m³ bê tông các loại (Tro200R28: 72,9m³, Tro150R28: 8m³), giá trị 74.188.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu, một trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- Hà Phước T thực hiện hành vi trộm cắp cùng với các lái xe: Phan Văn L, Hồ Kim T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Công P, Thái Văn Tấn Với tổng khối lượng bê tông các loại là: 200m³ (Tro200R28: 176,3m³, Tro250R8: 7,7m³, Tro150R28: 16m³), giá trị: 183.982.000 đồng (Một trăm tám ba triệu, chín trăm tám hai ngàn đồng). Trong đó:

+ Phan Văn L: tham gia 01 ngày (01 lần), chiếm đoạt 8m³ bê tông Tro200R28, giá trị 7.360.000 đồng (Bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

+ Hồ Kim T: tham gia 02 ngày (4 lần) chiếm đoạt 32,7m³ bê tông Tro200R28, giá trị 30.084.000 đồng (Ba mươi triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

+ Nguyễn Văn M: tham gia 01 ngày (01 lần), chiếm đoạt 8m³ bê tông Tro200R28, trị giá 7.360.000 đồng (Bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

+ Nguyễn Công P: tham gia 06 ngày (08 lần), chiếm đoạt 64,3m³ bê tông các loại (Tro200R28: 56,6m³, Tro 250R28: 7,7m³), trị giá 59.618.000 đồng (Năm mươi chín triệu, sáu trăm mười tám ngàn đồng).

+ Thái Văn Tấn N: tham gia 09 ngày (11 lần), chiếm đoạt 87m³ bê tông các loại (Tro200R28: 71m³, Tro150R28: 7,7m³), trị giá 79.560.000 đồng (Bảy mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Phan Viết Hoàng Ánh D thực hiện hành vi trộm cắp cùng với các lái xe: Nguyễn Công P, Thái Văn Tấn N, Lâm Hữu V với tổng khối lượng bê tông các loại là: 170,7m³ (Tro200R28: 147,8m³, Tro250R28: 15,9m³, Tro150R28: 7m³), giá trị: 157.788.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng). Trong đó:

+ Nguyễn Công P: tham gia 06 ngày (08 lần), chiếm đoạt 64,8m³ bê tông loại Tro200R28, trị giá 59.616.000 đồng (Năm mươi chín triệu, sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

+ Thái Văn Tấn N: tham gia 10 ngày (12 lần), chiếm đoạt 93,9m³ bê tông các loại (Tro200R28: 71m³, Tro250R28: 15,9m³, Tro150R28: 7m³) trị giá 87.132.000 đồng (Tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi hai ngàn đồng).

+ Lâm Hữu V: tham gia 01(một) lần, chiếm đoạt 12m³ bê tông loại Tro200R28, trị giá 11.040.000 đồng (Mười một triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Trần Phước T cùng Nguyễn Bảo L tham gia trộm cắp cùng với các lái xe: Nguyễn Văn M, Phan Văn L với tổng khối lượng bê tông là: 32m³ loại Tro200R28, trị giá 29.440.000 đồng (Hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

+ Nguyễn Văn M: tham gia 02 ngày (02 lần), chiếm đoạt 16m³ bê tông loại Tro200R28, trị giá 14.720.000 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

+ Phan Văn L: tham gia 02 ngày (02 lần), chiếm đoạt 16m³ bê tông loại Tro200R28, trị giá 14.720.000 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

+ Phan Viết Hoàng Ánh D cùng Hà Phước T tham gia trộm cắp với lái xe Nguyễn Công P 01(một) ngày (01 lần) với tổng khối lượng bê tông là: 7m³ loại Tro200R28, trị giá 6.440.000 đồng (sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng)

(Tất cả việc trộm cắp của từng bị cáo nêu trên có bảng kê chi tiết kèm theo)

Sau khi lấy trộm bê tông, các lái xe điều khiển xe chạy ra cổng của trạm, khi bảo vệ hỏi thì các lái xe nói chạy đi chở nước qua công trình hoặc đi sửa xe rồi mang bê tông đến bán cho các bãi đúc bê tông xây móng, tại các khu vực như: cây xăng đôi đường Nguyễn Lương B, thành phố Đà Nẵng; cây xăng đôi đường Phan Văn Đ, thành phố Đà

Năng; trạm điện 500KV trên đường Trường S, thành phố Đà Nẵng. Giá bán khoảng từ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tới 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm ngàn đồng*). Lái xe lấy 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tới 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*), số tiền còn lại lái xe giao lại cho L, T, D hoặc T1 (*tùy thời điểm lái xe lấy trộm với ai*). Số tiền có được các đối tượng sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá số: 11/KL-HĐĐG ngày 14/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hòa Vang kết luận:

STT	Tên loại bê tông	Khối lượng (m ³)	Đơn giá (ngàn đồng)	Thành tiền (ngàn đồng)
1	Tro100R28	7	860	6.020
2	Tro150R28	52,5	890	46.725
3	Tro200R28	876,6	920	806.472
4	Tro250R28	34,1	980	33.418
5	Tro250R7	1,5	1.040	1.560
6	Tro300R28	6	1.050	6.300
7	Tro300R7	1,5	1.110	1.665
8	B40R28BFSCCT	10	1.410	14.100
9	B45ASIAN	9,6	1.510	14.496
Tổng cộng		998,8		930.756

*Tặng vật tạm giữ: 01 (*một*) USB màu đen (*chứa các dữ liệu sản xuất bê tông mà các đối tượng đã tự ý sản xuất lấy trộm công ty*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2023/HS-ST ngày 16/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: T1 bố các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T và Lâm Hữu V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- *Về hình phạt:*

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hà Phước T 03(*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Phan Viết Hoàng Ánh D 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn L 02(*hai*) năm tù. Thời gian gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù. Thời gian gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Hồ Kim T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lâm Hữu V 09 (chín) tháng tù. Thời gian gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của các bị cáo Nguyễn Bảo L, Trần Phước T, Nguyễn Quang T, Thái Văn Tấn N và Nguyễn Công P (*nhưng các bị cáo này không có kháng cáo và không bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm*), về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Trong các ngày từ 18/8 đến ngày 22/08/2023 các bị cáo Phan Viết Hoàng Ánh D, Hà Phước T, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Các bị cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện hòa nhập xã hội và làm lại cuộc đời.

Ngày 28/08/2023, bị cáo Lâm Hữu V có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 173 BLHS là chưa thỏa đáng, quá nặng nên bị cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử bị cáo ở khoản 1 Điều 173 BLHS và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T và Lâm Hữu V giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và thừa nhận về hành vi phạm tội của từng bị cáo khi tham gia trong vụ án, đồng thời bổ sung thêm về nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết định khung điểm a, b (*Có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp*) theo khoản 2 Điều 173 BLHS đối với các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T và điểm a (*có tổ chức*) đối với bị cáo Lâm Hữu V khi quyết định hình phạt là không phù hợp với hành vi của các bị cáo, vì vậy, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS, để có điều kiện làm ăn nuôi các con, lo cho cuộc sống gia đình làm người công dân tốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T, Lâm Hữu V có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn luật định nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa cấp phúc thẩm các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T và Lâm Hữu V khai nhận về hành vi phạm tội của mình cụ thể Hà Phước T cùng tham gia trộm cắp với các bị cáo Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T, Nguyễn Công P và Thái Văn Tấn N với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 183.982.000 đồng (*Một trăm tám ba triệu, chín trăm tám hai ngàn đồng*), Phan Viết Hoàng Ánh D cùng tham gia với Nguyễn Công P, Thái Văn Tấn N và Lâm Hữu V với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 157.788.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng*); Phan Văn L có cùng tham gia với Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và Hà Phước T với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 126.444.000đ (*Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*), Nguyễn Văn M có cùng tham gia với Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và Hà Phước T với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 126.960.000đ (*Một trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng*); Hồ Kim T có cùng tham gia với Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và Hà Phước T với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 93.824.000đ (*Chín mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng*) và Lâm Hữu V có tham gia với Trần Phước T và Phan Viết Hoàng Ánh D (*mỗi người một lần*) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 19.940.000đ (*Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng*); Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử các bị cáo và các đồng phạm khác về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 BLHS là đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a (*có tổ chức*) khoản 2 Điều 173 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M và Hồ Kim T là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra trong cùng vụ án; Riêng đối với bị cáo Lâm Hữu V tuy là đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tình tiết định khung điểm a (*có tổ chức*) là không đúng nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm sửa nội dung về tình tiết này đối với bị cáo V cho phù hợp.

Về tình tiết định khung (*có tính chất chuyên nghiệp*) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử với các

bị cáo (*trừ bị cáo V*) là không phù hợp : Bởi lẽ, tất cả các bị cáo đều là các nhân viên và lái xe của Công ty được tuyển dụng có công việc làm ổn định, được hưởng lương do công ty chi trả hằng tháng, các bị cáo không thuộc đối tượng là người không có công việc làm, và không lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính để nuôi sống bản thân; Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo về tình tiết định khung này để xét xử và quyết định hình phạt là không đúng pháp luật, gây bất lợi cho các bị cáo. Ngoài ra, trong quá trình điều tra các bị cáo đều tự thú khai ra việc trộm cắp trước đó chưa bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo là có thiếu sót, nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm bổ sung tình tiết này cho phù hợp với quy định của pháp luật; Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, các bị cáo D, M có bổ sung thêm tình tiết đã tự nguyện nộp tiền án phí HSST và có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; Tuy nhiên, xét các tình tiết này cũng không làm thay đổi về mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với tất cả các bị cáo; Do đó, đại D VKS đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thành Đá người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M có quan điểm luận cứ bào chữa cho bị cáo như sau: Thống nhất về tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo M, nên không có tranh luận về tội danh, điều luật truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm; Tuy nhiên, luật sư cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo M và các đồng phạm khác tham gia trong vụ án theo hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a (*có tổ chức*) và điểm b (*có tính chất chuyên nghiệp*) là không phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, bởi lẽ, trong vụ án này mặc dù có nhiều bị cáo cùng tham gia trộm cắp, tuy nhiên các bị cáo chỉ thực hiện riêng lẻ, mang tính tự phát (*trong ngày cùng một ca trực*), đồng thời trước khi thực hiện hành vi phạm tội không có ai đứng ra tổ chức, phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo, mặt khác, bị cáo M lái xe của Công ty được tuyển dụng có công việc làm ổn định, được hưởng lương do công ty chi trả hằng tháng, bị cáo M không thuộc đối tượng là người không có công việc làm, đồng thời không lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính để nuôi sống bản thân; Do vậy, luật sư đề nghị HĐXX xem xét lại các tình tiết này cho bị cáo M, ngoài ra sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo M có bổ sung tình tiết hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bổ sung gia đình có người thân có công với cách mạng, và tự nguyện nộp tiền án phí theo quyết định của bản án, hơn nữa khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết

giảm nhẹ tự thú khai ra việc phạm tội của mình trước đó chưa bị phát hiện theo điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS đây là các tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, Vì lẽ trên, Luật sư đề nghị HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS và điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo M về việc xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương theo Điều 65 BLHS, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo làm ăn nuôi con, chăm sóc cha, mẹ già yếu, làm người công dân tốt, là nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T và Lâm Hữu V đều khai nhận về hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau:

[1.1] Hà Phước T thừa nhận có cùng tham gia các bị cáo Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T, Nguyễn Công P và Thái Văn Tấn N thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (*trong đó Phan Văn L 01 lần, Nguyễn Văn M 01 lần; Hồ Kim T 04 lần; Nguyễn Công P 08 lần; Thái Văn Tấn N 11 lần*) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 183.982.000 đồng (*Một trăm tám ba triệu, chín trăm tám hai ngàn đồng*).

[1.2] Phan Viết Hoàng Ánh D thừa nhận có cùng tham gia với các bị cáo Nguyễn Công P, Thái Văn Tấn N và Lâm Hữu V thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (*trong đó cùng với Nguyễn Công P 08 lần, Thái Văn Tấn N 12 lần và Lâm Hữu V 01 lần*) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 157.788.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng*);

[1.3] Phan Văn L thừa nhận có cùng tham gia với Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và Hà Phước T thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (*trong đó tham gia với Trần Phước T 15 lần, với Nguyễn Bảo L 03 lần và với Hà Phước T 01 lần*) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 126.444.000đ (*Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*)

[1.4] Nguyễn Văn M có cùng tham gia với Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và Hà Phước T thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (*trong đó tham gia với Trần Phước T 06 lần, Nguyễn Bảo L 10 lần và Hà Phước T 01 lần*) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 126.960.000đ (*Một trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng*);

[1.5] Hồ Kim T có cùng tham gia với Trần Phước T, Nguyễn Bảo L và Hà Phước T thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (*trong đó tham gia với Trần Phước T 03 lần, với*

Nguyễn Bảo L 03 lần, và Hà Phước T 04 lần) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 93.824.000đ (Chín mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

[1.6] Lâm Hữu V có cùng tham gia với Trần Phước T và Phan Viết Hoàng Ánh D thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần (trong đó cùng với T1 và D mỗi người 01 lần) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 19.940.000đ (Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng)

[1.7] Với hành vi nêu trên tất cả các bị cáo đều thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 BLHS là đúng người, đúng pháp luật; Tuy nhiên, các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M, Hồ Kim T đều cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về các tình tiết định khung điểm a (có tổ chức) và điểm b (có tính chất chuyên nghiệp) theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lâm Hữu V cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tình tiết định khung điểm a (có tổ chức) là không đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo; Vì vậy, tất cả các bị cáo xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại về các tình tiết này để xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đồng thời mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện làm ăn lo cho gia đình nuôi các con ăn học, làm người công dân tốt có ích cho xã hội.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

[2.1] Về tình tiết định khung (điểm a) có tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo HĐXX nhận thấy: Đây là vụ án có nhiều đồng phạm cùng tham gia trộm cắp, trong đó các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M và Hồ Kim T cùng với các bị cáo khác (trừ bị cáo V) khi thực hiện hành vi trộm cắp có sự trao đổi nhau qua điện thoại, tự ngầm hiểu nhau trong việc tắt Camera giám sát khi vận hành sản xuất bê tông, khi lái xe chở bê tông đi tiêu thụ, khi ra cổng nếu bảo vệ công ty có hỏi thì thống nhất nói đưa xe đi sửa chữa, hoặc đi chở nước về cho trạm, nhằm tránh sự phát hiện của quản lý và bảo vệ công ty, các bị cáo thực hiện nhiều lần với một thời gian dài, cùng một phương thức; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo về tình tiết định khung này là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Đối với bị cáo Lâm Hữu V có tham gia với bị cáo T1 và D mỗi người một lần và mỗi lần thực hiện hành vi chỉ mang tính tự phát, không có bàn bạc, phân công vai trò trách nhiệm cho từng người khi thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm thông thường giản đơn với vai trò thứ yếu, vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo V về tình tiết định khung điểm a (có tổ chức) theo khoản 2 Điều 173

BLHS là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây bất lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt, nên nội dung kháng cáo này của bị cáo V là có căn cứ, cần chấp nhận để xem xét việc kháng cáo của bị cáo.

[2.3] Về tình tiết định khung điểm b (*có tính chất chuyên nghiệp*) khoản 2 Điều 173 BLHS HĐXX nhận thấy: Tất cả các bị cáo đều là các nhân viên và lái xe của Công ty được tuyển dụng có công việc làm ổn định, được hưởng lương do công ty chi trả hằng tháng, các bị cáo không thuộc đối tượng là người không có công việc làm, và không lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính để nuôi sống bản thân; Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo về tình tiết định khung này để xét xử và quyết định hình phạt là không đúng pháp luật, gây bất lợi cho các bị cáo,

[2.4] Từ những lập luận tại tiểu mục [2.2] và [2.3] nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy việc các bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo này là có căn cứ nên cần được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết điểm a (*có tổ chức*) đối với bị cáo V, và điểm b (*có tính chất chuyên nghiệp*) đối với các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M và Hồ Kim T cho phù hợp với quy định của pháp luật,

[2.5] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L, Nguyễn Văn M và Hồ Kim T, HĐXX nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác luôn được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm và việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Xét khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung điểm b (*có tính chất chuyên nghiệp*) đối với các bị cáo là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, song với tính chất vụ án, trên cơ sở phân hóa vai trò đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, qua đó xử phạt bị cáo Hà Phước T 03 (*ba*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù, Phan Viết Hoàng Ánh D 02 (*hai*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù, và Phan Văn L 02 (*hai*) năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm tuy bị cáo D có bổ sung đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn và biên lai nộp tiền án phí HSST, các bị cáo khác không có tình tiết mới, tuy Tòa án cấp phúc thẩm có bổ sung tình tiết giảm nhẹ điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS, song với những tình tiết mới này của các bị cáo cũng không làm thay đổi về mức hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng; Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo T, D và L giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.5.1] Riêng về mức hình phạt 02 (hai) năm tù đối với bị cáo Nguyễn Văn M và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Hồ Kim T HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng, số lần thực hiện hành vi trộm cắp của các bị cáo M, T2 tham gia ít hơn bị cáo L, và số tiền bị cáo L chiếm đoạt có ít hơn so với bị cáo M, mặt khác tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo M bổ sung tình tiết có bà cố nội Lê Thị T và ông nội chú Nguyễn Văn X đều là liệt sỹ, có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung tình tiết giảm nhẹ điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS, quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại các cấp sơ thẩm, phúc thẩm khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường lại toàn bộ về giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại, là lao động chính trong gia đình, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, nên áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS khi quyết định hình phạt cho các bị cáo; Do đó, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ về hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN là phù hợp. Riêng về việc kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo là không đủ điều kiện nên HĐXX không chấp nhận.

[2.6] Xét kháng cáo của bị cáo V; HĐXX nhận thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp ít nghiêm T2, tham với vai trò đồng phạm thứ yếu, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt ít nhất so với các bị cáo khác, xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, tuy số tiền chiếm đoạt ít nhưng lại tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền nhiều hơn so với các bị cáo khác, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi cấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS như hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ HĐTP ngày 15/2018 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS, Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà nghĩ nên mở cho bị cáo một con đường cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng có tác dụng răn đe đối với bị cáo, Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS là phù hợp.

[3] Về áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt: Do Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật như đã nêu tại các tiểu mục [2.2] và [2.3] và nhận định tại tiểu mục [2.4] ở trên, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng về tình tiết tự thú khai ra các lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 và vai trò đồng phạm trong vụ án khi quyết định hình phạt theo Điều 58 BLHS là có

thiếu sót, nên HĐXX cấp Phúc thẩm sửa và bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo T, D, L do không chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo M và T2 và V do chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.1. Không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D và Phan Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và sửa Bản án sơ thẩm về việc áp dụng điểm khoản của BLHS về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Căn cứ: Các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hà Phước T: 03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Viết Hoàng Ánh D: 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn L: 02 (hai)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

II. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và các điểm b, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M và Hồ Kim T; Sửa Bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo và sửa về việc áp dụng điểm khoản của BLHS về tội “Trộm cắp tài sản”.

2.2. Căn cứ: Các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn M: 01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Kim T: 01 (một)** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

III. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Hữu V, sửa Bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt và sửa về việc áp dụng điểm khoản của BLHS về tội “Trộm cắp tài sản” cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS.

3.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lâm Hữu V: 09 (chín)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là: **18 (mười tám) tháng** tính từ ngày T1 án phúc thẩm 17/11/2023.

T1 giao bị cáo Lâm Hữu V về UBND xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo dõi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

IV. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

Tiếp tục quy trữ tạm giữ của bị cáo Phan Viết Hoàng Ánh D số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo các BL thu tiền số: 1055 ngày 23/10/2023 và số: 1056 ngày 24/10/2023 nhằm đảm bảo cho việc thi hành án phí.

V. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Hà Phước T, Phan Viết Hoàng Ánh D, Phan Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Hồ Kim T và Lâm Hữu V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

VI. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T1 án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang ;
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang
- Tòa án nhân dân quận huyện Hòa Vang
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh L

Nguyễn Anh Tuấn

Phan Vnh Chuyển

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi T2 Danh

